

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NĂNG
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/HNGĐ-ST

Ngày 17/5/2022

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Xuân Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Đăng Huân;

2. Ông Y Míp Niê;

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung -
Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk
tham gia phiên tòa:** Bà Lê Trịnh Xuân Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2022/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2022, giữa:

- Nguyên đơn: Chị H L Niê; trú tại: Buôn A, xã H, huyện N, tỉnh Đắk Lắk (có mặt);

- Bị đơn: Anh Y T Ktla; trú tại: Buôn B, xã Đ, huyện N, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn chị H L Niê trình bày: Chị H L Niê và anh Y T Ktla chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 11/2004 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Đến ngày 23/3/2016 thì đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại UBND xã H, huyện N, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc. Tuy nhiên, từ năm 2020 cho đến nay, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hòa thuận, mục đích hôn nhân không đạt được, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Y T thường xuyên tụ tập nhậu nhẹt, say xỉn, to tiếng chửi bới trong gia đình, không chăm lo làm ăn. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 8/2021 cho tới nay. Xét thấy tình cảm không còn nên chị H L Niê đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Y T Ktla.

Về con chung: Có 02 con chung, cụ thể: Cháu Y D Niê Ktla, sinh ngày 17/9/2005 và cháu H L Ha Niê, sinh ngày 10/02/2016, các con chung phát triển

bình thường, nguyên vọng sau khi ly hôn thì chị H L Niê là người trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bị đơn anh Y T Ktla trình bày:* Về quan hệ hôn nhân đúng như chị H L Niê trình bày. Anh Y T và chị H L là vợ chồng, chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 11/2004 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Đến ngày 23/3/2016 chúng tôi đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại UBND xã H, huyện N, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc. Tuy nhiên, từ năm 2020 cho tới nay vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng sống ly thân từ tháng 8/2021 cho tới nay. Vợ chồng không hòa thuận, nhưng chưa đến mức trầm trọng nên anh Y T Ktla không đồng ý ly hôn với chị H L Niê.

Vợ chồng có 02 con chung, cụ thể: Cháu Y D Niê Ktla, sinh ngày 17/9/2005 và cháu H L Ha Niê, sinh ngày 10/02/2016, các con chung phát triển bình thường. Nếu ly hôn thì anh Y T đồng ý giao cả 02 cháu cho chị H L Niê trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết.

- *Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã triệu tập đương sự đến tham gia phiên hòa giải nhưng anh Y T Ktla không có mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được.*

- *Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Đắk Lắk:* Quá trình sinh sống tại địa phương giữa chị H L Niê với anh Y T Ktla có mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, vợ chồng không hòa thuận, anh Y T Ktla thường xuyên nhậu nhét, không chăm lo làm ăn dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Đề nghị, Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:**

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến ngày xét xử vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, đưa vụ án ra xét xử đúng hạn luật định, thủ tục mở phiên tòa đảm bảo. Nguyên đơn, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Qua phân tích, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai và ý kiến của các bên đương sự, đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có ý kiến như sau: Chị H L Niê và anh Y T Ktla là vợ chồng và có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào ngày 23/3/2016 tại UBND xã H, huyện N, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình chung sống có nhiều mâu thuẫn. Chị H L Niê với anh Y

T Ktla đã sống ly thân từ đầu năm 2021 cho tới nay. Do đó, có thể thấy tình trạng hôn nhân của chị H L Niê với anh Y T Ktla là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H L Niê, cho chị H L Niê được ly hôn với anh Y T Ktla.

Về con chung: Giao cả hai cháu Y D Niê Ktla, sinh ngày 17/9/2005 và cháu H L Ha Niê, sinh ngày 10/02/2016 cho chị H L Niê trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành. Anh Y T Ktla có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở quyền này.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các bên đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu nên không đặt ra để xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra để xem xét giải quyết.

Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu ly hôn nên nguyên đơn chị H L Niê phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Tuy nhiên, chị H L Niê thuộc trường hợp được miễn tạm ứng án phí, án phí nên miễn toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án; ý kiến của Kiểm sát viên, đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ kiện “*Ly hôn*” và bị đơn có nơi cư trú tại huyện N, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị H L Niê với anh Y T Ktla có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào ngày 23/3/2016 tại UBND xã H, huyện N, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận kết hôn số 34. Căn cứ vào Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình thì hôn nhân của chị H L Niê với anh Y T Ktla là hợp pháp. Vì vậy, chị H L Niê yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn là đúng quy định của pháp luật.

Xét tình trạng hôn nhân của chị H L Niê với anh Y T Ktla: Thời gian đầu chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Tuy nhiên, từ năm 2020 trở lại đây, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hòa thuận, vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ đầu năm 2021 cho tới nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Y T Ktla thường xuyên uống rượu, chửi bới, quậy phá trong gia đình, không chăm lo làm ăn. Tại biên bản xác minh ngày 14/3/2022 tại Hội liên hiệp phụ nữ xã H, huyện N xác định tình trạng hôn nhân giữa chị H L Niê với anh Y T Ktla có mâu thuẫn, vợ chồng không hòa thuận, anh Y T Ktla thường xuyên đi nhậu, không chăm lo làm ăn dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Quá trình giải quyết vụ án, anh Y T Ktla cũng thừa nhận

thường xuyên uống rượu, chửi bới, quậy phá trong gia đình, không chăm lo làm ăn. Xét thấy, hôn nhân được xây dựng trên sự tự nguyện yêu thương, chăm sóc, tôn trọng, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ công việc với nhau nhưng chị H L Niê với anh Y T Ktla đã sống ly thân nhau, anh Y T Ktla thường xuyên thường xuyên uống rượu, chửi bới, quậy phá trong gia đình, không chăm lo làm ăn, vợ chồng không còn yêu thương, chăm sóc nhau. Hơn nữa, Tòa án đã tiến hành hòa giải để hai bên có cơ hội quay lại đoàn tụ với nhau nhưng không thành. Từ những căn cứ trên có thể khẳng định tình trạng hôn nhân của chị H L Niê với anh Y T Ktla là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H L Niê.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống, chị H L Niê với anh Y T Ktla có hai con chung: Cháu Y D Niê Ktla, sinh ngày 17/9/2005 và cháu H L Ha Niê, sinh ngày 10/02/2016, các con chung đều phát triển bình thường. Quá trình giải quyết vụ án, chị H L Niê với anh Y T Ktla có nguyện vọng nếu ly hôn chị H L Niê là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành, về cấp dưỡng nuôi con chung tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết. Điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Y D Niê Ktla. Do đó, cần giao cháu Y D Niê Ktla, sinh ngày 17/9/2005 và cháu H L Ha Niê, sinh ngày 10/02/2016 cho chị H L Niê trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi). Về cấp dưỡng nuôi con chung các bên đương sự tự thỏa thuận nên không đặt ra để xem xét giải quyết.

Anh Y T Ktla có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở quyền này.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các bên đương sự không yêu cầu nên không đặt ra để xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị H L Niê phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Tuy nhiên, chị H L Niê thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí, án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, nên được miễn án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị H L Niê về việc “Ly hôn”. Cho chị H L Niê được ly hôn anh Y T Ktla.

2. Về con chung: Giao cháu Y D Niê Ktla, sinh ngày 17/9/2005 và cháu H L Ha Niê, sinh ngày 10/02/2016 cho chị H L Niê (mẹ) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi). Về cấp dưỡng nuôi con chung tự thỏa thuận nên không đặt ra để xem xét giải quyết.

Anh Y T Ktla có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở quyền này.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các bên đương sự không yêu cầu nên không đặt ra để xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Nguyên đơn chị H L Niê được miễn toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Năng (02);
- Chi cục THADS huyện N;
- Các đương sự;
- UBND xã H;
- ;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Trương Xuân Hải